| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 86/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 10 - 2018.
V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Nhi.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLST - HNGĐ, ngày 02/8/2018 về tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21/9/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Anh Võ Văn D, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 31/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Võ Văn D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2011 thì ly thân do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau, anh chị không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống ly thân anh chị cũng không có hàn gắn. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung có 02 cháu: Võ Kim

Thị Huỳnh T, sinh ngày 01/5/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Võ Thị Tú T, sinh ngày 22/01/2003 hiện đang sống chung với anh D, khi ly hôn chị để anh D nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Văn D trình bày: Về thời gian anh và chị M sống chung với nhau và những mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày là đúng, anh chị không có đăng ký kết hôn. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Về con chung anh thống nhất như yêu cầu của chị M. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X, các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận chị M và anh D là vợ chồng, về con chung đối với cháu Võ Kim Thị Huỳnh T, sinh ngày 01/5/1999 đã trưởng thành nên không đề cập, đối với cháu Võ Thị Tú T, sinh ngày 22/01/2003 khi ly hôn anh D là người trực tiếp nuôi con, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D không có yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Chị Nguyễn Thị M và anh Võ Văn D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2011 nhưng anh chị không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh D có 02 con chung, đối với cháu Võ Kim Thị Huỳnh T, sinh ngày 01/5/1999 đã trưởng thành không xem xét giải quyết, đối với cháu Võ Thị Tú T, sinh ngày 22/01/2003 hiện đang sống chung với anh D, khi ly hôn anh chị thỏa thuận anh D là người trực tiếp nuôi con, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu T, đồng thời từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu T sống chung với anh D nên để bảo đảm sự ổn định cho cuộc sống và học tập của cháu T cần để cho anh D tiếp tục nuôi con là phù hợp, do anh D không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh D nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị M.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X, các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

**Tuyên xử:**

[1] Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Võ Văn D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Đối với cháu Võ Kim Thị Huỳnh T, sinh ngày 01/5/1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, đối với cháu Võ Thị Tú T, sinh ngày 22/01/2003 hiện đang sống chung với anh Võ Văn D khi ly hôn anh D là người trực tiếp nuôi con, chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Võ Văn D trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Thiện**